TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2019/DS-ST
Ngày: 17/5/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng;

2. Bà Nguyễn Thị Quý.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 239/2018/TLST-DS ngày 26/6/2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Trụ sở: 89 đường L, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị Thanh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Lầu 5 – Tòa nhà số 144 đường Cộng Hòa, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

(theo văn bản ủy quyền số: 1015/UQ-GĐK-TDTD ngày 23/5/2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần A*)*

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm: 1992 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 561/24/1 đường H, khu phố R, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ngày 05/9/2015, bà Nguyễn Thị Hoài T có ký hợp đồng tín dụng số 20150904-500000-0624 với Ngân hàng thương mại cổ phần A để vay số tiền 36.402.759 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3,75%/tháng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân, thời gian vay là 36 tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng bà Nguyễn Thị Hoài T có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi theo hình thức góp hàng tháng, trong 35 tháng đầu mỗi tháng bà T góp 1.860.000 đồng, tháng thứ 36 (tháng cuối cùng) bà T trả 1.795.000 đồng là thanh lý hợp đồng, như vậy tổng số tiền cả gốc và lãi mà bà T phải trả cho nguyên đơn là 66.895.000 đồng, thỏa thuận bắt đầu từ ngày 09/10/2015. Thực hiện hợp đồng bà T đã trả góp được 6.149.285 đồng, sau đó ngưng cho đến nay không thanh toán bất cứ khoản nào, mặc dù phía nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu trả nợ. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Hoài T phải trả một lần toàn bộ số tiền còn lại là 60.745.715 đồng (trong đó gồm nợ gốc là 34.861.699 đồng và nợ lãi là 25.884.016 đồng). Không yêu cầu tính lãi và trả lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định và đề nghị kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu bà T không trả nợ thì buộc bà T trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

(2) Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T không hợp tác, không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập, thông báo. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú và xác định bà T vẫn còn cư ngụ tại địa phương. Mặc dù, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng bà Nguyễn Thị Hoài T vẫn cố tình vắng mặt không đến tòa để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lương Thị Thanh Tâm có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu và ý kiến như trên. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T tiếp tục vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án chấp nhận. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với bà Nguyễn Thị Hoài T phát sinh quan hệ tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T đang cư trú trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn và xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150904-500000-0624 ký ngày 05/9/2015 (gọi tắt là Hợp đồng) giữa bà Nguyễn Thị Hoài T và Ngân hàng thương mại cổ phần A là hoàn toàn tự nguyên, được lập bằng văn bản có chữ ký của các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 91, 96 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên phải thực hiện.

Căn cứ vào hợp đồng và chứng từ giải ngân về khoản vay do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Hoài T có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 36.402.759 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3,75%/tháng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân, thời gian vay là 36 tháng. Hai bên đã thỏa thuận bà Nguyễn Thị Hoài T có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi theo hình thức góp hàng tháng, trong 35 tháng đầu mỗi tháng bà T góp 1.860.000 đồng, tháng thứ 36 (tháng cuối cùng) bà T trả 1.795.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi mà bà T thỏa thuận phải trả là 66.895.000 đồng. Nhận thấy, những thỏa thuận trên giữa hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010.

Căn cứ vào lịch sử thanh toán và sự thừa nhận của nguyên đơn xác định bà Nguyễn Thị Hoài T đã thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền 6.149.285 đồng, còn nợ lại số tiền 60.745.715 đồng (trong đó gồm nợ gốc là 34.861.699 đồng và nợ lãi là 25.884.016 đồng). Xét thấy, thời gian thỏa thuận về việc vay và trả nợ giữa hai bên đã hết, nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ bên vay, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bên cho vay.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu án phí dân sự sở thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 96, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bà Nguyễn Thị Hoài T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 60.745.715 đồng (sau mươi triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm mười lăm đồng), trong đó gồm tiền nợ gốc còn lại là 34.861.699 đồng và tiền nợ lãi là 25.884.016 đồng.

- Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Hoài T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì hàng tháng bà T còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 3.037.286 đồng (ba triệu không trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng), buộc bà Nguyễn Thị Hoài T phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 1.518.642 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0022068 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành an dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần A và bà Nguyễn Thị Hoài T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký tên và đóng dấu

Cao Văn Thiên